

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của UBND thị trấn Ba Tơ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao cấp xã
A	B	1=2+3+4+5+...+n
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	2.309.000.000
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.452.000.000
-	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	<i>1.354.000.000</i>
-	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	
-	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa</i>	<i>4.000.000</i>
-	<i>Thuế Tài nguyên (**)</i>	<i>94.000.000</i>
2	Lệ phí trước bạ	100.000.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	25.000.000
4	Thuế thu nhập cá nhân	668.000.000
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	
	<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>	
6	Thu tiền sử dụng đất (***)	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	
8	Thu tiền cho thuê đất	
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	
9	Thu khác ngân sách	
	<i>Trong đó: Thu phạt ATGT</i>	
10	Thu tại xã	64.000.000
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh	
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	7.753.000.000
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	7.753.000.000
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	684.000.000
-	<i>Các khoản thu NS xã hưởng 100%</i>	<i>164.000.000</i>
-	<i>Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %</i>	<i>520.000.000</i>
b	Bổ sung từ ngân sách huyện	7.069.000.000
-	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>5.146.000.000</i>
-	<i>Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp</i>	
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>1.923.000.000</i>
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước	

Ghi chú: Không thay đổi nội dung, thứ tự trong Biểu

CÁC NGUỒN THU NGOÀI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2025 CẤP XÃ
(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của UBND thị trấn Ba Tơ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí thu năm 2025	Kinh phí đã chi đến thời điểm sắp xếp	Kinh phí còn lại	Trong đó		Ghi chú
					Kinh phí dự kiến giao cho cấp xã tiếp tục thực hiện	Kinh phí dự kiến giao cho cấp tỉnh tiếp tục thực hiện	
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6
	TỔNG SỐ	3.433.320.319	264.062.346	-	3.169.257.973	-	
1	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				-		
2	Thu chuyển nguồn	2.899.058.331	264.062.346	-	2.634.995.985		Có Phụ biểu chi tiết từng nhiệm vụ chi chuyển nguồn
-	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (0961)				-		
-	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán (0962)				-		
-	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội (0963)				-		
-	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi (0964)				-		
-	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc (0965)				-		
-	Kinh phí nghiên cứu khoa học bổ trợ cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện (0966)				-		
-	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau (0967)	311.926.601	108.000.000		203.926.601		
-	Kinh phí khác theo quy định của Pháp luật (0968)	2.587.131.730	156.062.346		2.431.069.384		
3	Thu kết dư	534.261.988			534.261.988		

Ghi chú: Không thay đổi nội dung, thứ tự trong Biểu

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của UBND thị trấn Ba Tơ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán HĐND huyện, thị xã, thành phố giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 25/5/2025	Dự toán dự kiến thực hiện từ ngày 26/5/2025 -30/6/2025	Dự toán còn lại
A	B	1	2	3	4=1-2-3
	TỔNG SỐ				
A	Dự toán HĐND huyện, thị xã, thành phố giao đầu năm	7.753.000.000	3.544.716.812	1.165.605.752	3.042.677.436
I	Chi đầu tư (*)				-
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp				-
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất				-
II	Chi thường xuyên	7.358.600.000	3.436.716.812	1.165.605.752	2.756.277.436
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				-
2	Chi sự nghiệp đào tạo				-
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				-
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	135.600.000	7.950.000	2.300.000	125.350.000
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	28.800.000	6.850.000	1.470.000	20.480.000
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	55.000.000	20.820.000	-	34.180.000
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	89.200.000	70.605.000	60.800.000	(42.205.000)
8	Chi sự nghiệp kinh tế	337.500.000	7.129.946	444.081.500	(113.711.446)
9	Chi sự nghiệp môi trường	39.600.000	12.500.000	12.500.000	14.600.000
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	5.910.033.000	2.988.349.643	563.290.062	2.358.393.295
11	Chi An ninh	492.700.000	202.525.000	62.665.000	227.510.000
12	Chi Quốc phòng	235.967.000	119.987.223	18.499.190	97.480.587
13	Chi thường xuyên khác	34.200.000			34.200.000
III	Dự phòng ngân sách	156.000.000			156.000.000
IV	Tiết kiệm chi 10%	238.400.000			238.400.000
V	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		108.000.000		(108.000.000)
B	Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố bổ sung trong năm từ nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu	127.296.000	60.000.000	-	67.296.000
I	Chi đầu tư				-
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp				-
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất				-
II	Chi thường xuyên	120.000.000	60.000.000	-	60.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo				-
2	Chi sự nghiệp đào tạo				-
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				-
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				-
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				-
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				-
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	120.000.000	60.000.000		60.000.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế				-
9	Chi sự nghiệp môi trường				-
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể				-
11	Chi An ninh				-

TT	Nội dung chi	Dự toán HĐND huyện, thị xã, thành phố giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 25/5/2025	Dự toán dự kiến thực hiện từ ngày 26/5/2025 -30/6/2025	Dự toán còn lại
A	B	1	2	3	4=1-2-3
12	Chi Quốc phòng				-
13	Chi thường xuyên khác				-
III	Dự phòng ngân sách				-
V	Chi Chương trình Mục tiêu quốc gia	7.296.000			7.296.000
1	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới				-
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững				-
	Ngân sách TW				-
	Ngân sách tỉnh				-
-	Ngân sách huyện				-
3	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	7.296.000	1.800.000	-	5.496.000
	Ngân sách TW				-
	Ngân sách tỉnh				-
-	Ngân sách huyện	7.296.000	1.800.000		5.496.000

(*) Chi đầu tư chi tiết theo danh mục